

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn;

Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Ngày 28/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 433/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Lê Đức A, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2022, bản tự khai, chị Trần Thị O trình bày:

Chị và anh Lê Đức A kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2017, trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được gia đình tổ chức lễ

cưới theo phong tục địa phương, cưới xong chị về nhà anh Lê Đức A làm dâu ngay, anh chị chung sống tại Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh Lê Đức A đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay ít hỏi thăm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức A.

Về con chung: Chị và anh Lê Đức A có 01 con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018, ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Lê Đức A cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2022, anh Lê Đức A trình bày:*

Anh và chị Trần Thị O kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2017, trước khi cưới có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cưới xong chị Trần Thị O về làm dâu ngay nhà anh ngay, anh chị chung sống tại Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Anh và chị Trần Thị O đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay ít hỏi thăm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh Lê Đức A cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Trần Thị O khởi kiện ly hôn anh, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị Trần Thị O.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị O có 01 con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018, nay vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2022, ông Lý Văn M là trưởng thôn Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Anh Lê Đức A ở địa phương chủ yếu làm vườn và chăn nuôi tại Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thỉnh thoảng anh Lê Đức A có làm thêm công việc lắp đặt điện ở quanh thôn S và quanh xã Q.

Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2022, ông Hỷ Văn Năm phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp: Về thu nhập của anh Lê Đức A thì địa phương không nắm rõ được thu nhập cụ thể của anh Lê Đức A như thế nào. Đối với thu nhập bình quân trên đầu người của xã Q là 56.000.000 đồng/ người/năm vào năm 2022, còn người lao động tự do độ tuổi từ 18- 45 ở xã Q thu nhập từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày.

Tại phiên tòa chị Trần Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức A; Về con chung: Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018, chị không yêu cầu anh Lê Đức A cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lê Đức A vẫn giữ nguyên lời trình bày: Anh nhất trí ly hôn với chị Trần Thị O; Về con chung: Anh Lê Đức A có nguyện vọng nuôi con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018, anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị O: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Lê Đức A.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị O nuôi dưỡng con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay

đổi theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn anh Lê Đức A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Lê Đức A thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0011090 ngày 03 tháng 10 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị O khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh Lê Đức A, anh Lê Đức A có địa chỉ tại Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị O và anh Lê Đức A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/02/2017. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Trần Thị O vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Anh Lê Đức A cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị O và anh Lê Đức A mâu thuẫn là có thật, việc vợ chồng đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng hiện nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đều thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị O: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Lê Đức A.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị O và anh Lê Đức A có 01 con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018. Hiện nay, chị Trần Thị O và anh Lê Đức A đều có

nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị O và anh Lê Đức A đều có thu nhập ổn định, có chỗ ở và đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung như vậy điều kiện để nuôi con là ngang nhau. Tuy nhiên cháu Lê Trần Bảo N là con gái, chị O có điều kiện gần gũi, chăm sóc cháu thường xuyên, hơn nữa để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của cháu và tạo điều kiện tốt nhất để cháu phát triển toàn diện, cần giao cho chị Trần Thị O nuôi dưỡng con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018 là đảm bảo quyền lợi của phụ nữ, trẻ em, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị O không yêu cầu anh Lê Đức A cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Trần Thị O và anh Lê Đức A không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí : Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Chị Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0011090 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị O: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Lê Đức A.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị O nuôi con chung là Lê Trần Bảo N, sinh ngày 13/6/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh Lê Đức A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Lê Đức A thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị O

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số 0011090 ngày 03 tháng 10 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Thế